

- Chia phần hơn của số lớn nếu bớt đi phần hơn của số lớn so với số bé thì số lớn như thế nào so với số bé?

+ Phần hơn của số lớn so với số bé chính là gì của hai số?

+ Khi bớt đi phần hơn của số lớn so với số bé thì tổng của chúng thay đổi thế nào?

+ Tổng mới là bao nhiêu?

+ Tổng mới lại chính là hai lần của số bé, vậy ta có hai lần số bé là bao nhiêu?

- Hãy tìm số bé

- Hãy tìm số lớn

c. Hướng dẫn giải bài toán (cách 2)

+ Nếu thêm vào số bé một phần bằng đúng với phần hơn của số lớn so với số bé thì số bé như thế nào so với số lớn?

+ Phần hơn của số lớn so với số bé chính là gì của hai số?

+ Khi thêm vào số bé phần hơn của số lớn so với số bé thì tổng của chúng thay đổi thế nào?

+ Tổng mới là bao nhiêu?

+ Tổng mới lại chính là hai lần của số lớn, vậy ta có hai lần số lớn là bao nhiêu?

- Hãy tìm số lớn?

- Hãy tìm số bé?

- Lưu ý HS khi làm bài có thể giải bằng 2 cách

+ Nếu bớt đi phần hơn của số lớn so với số bé thì số lớn sẽ bằng số bé.

+ Hiệu của hai số

+ Tổng của chúng giảm đi đúng bằng phần hơn của số lớn so với các số bé

+ Tổng mới :  $70 - 10 = 60$

+ Hai lần của số bé :  $70 - 10 = 60$

+ Số bé là :  $60 : 2 = 30$

+ Số lớn là :  $30 + 10 = 40$

(hoặc  $70 - 30 = 40$ )

$$\text{Số bé} = (\text{Tổng} - \text{hiệu}) : 2$$

+ Nếu thêm cho số bé một phần bằng đúng phần hơn của số lớn so với số bé thì số bé sẽ bằng số lớn

+ Là hiệu của hai số

+ Tổng của chúng sẽ tăng thêm đúng bằng phần hơn của số lớn so với số bé

+ Tổng mới :  $70 + 10 = 80$

+ Hai lần của số lớn :  $70 + 10 = 80$

- Số lớn :  $80 : 2 = 40$

- Số bé :  $40 - 10 = 30$

(hoặc  $70 - 40 = 30$ )

$$\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{hiệu}) : 2$$

- HS nêu cách tìm số lớn, số bé

### 3. Hoạt động thực hành (18p)

\* Mục tiêu: Vận dụng cách tìm số lớn, số bé để giải các bài toán liên quan

\* Cách tiến hành

#### Bài 1

- GV yêu cầu HS đọc đề bài

#### Cá nhân-Nhóm 2- Lớp

- Đọc và xác định đề bài.

+ Bài toán cho biết gì ?

+ Bài toán hỏi gì ?

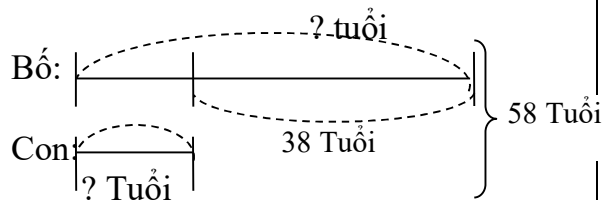
+ Bài toán thuộc dạng toán gì ? Vì sao em biết điều đó ?

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm theo 2 cách.

- Gọi HS nhận xét, chữa bài.

- Nhận xét, chốt cách giải.

VD: Cách 1: ta có sơ đồ:



**Bài 2:**

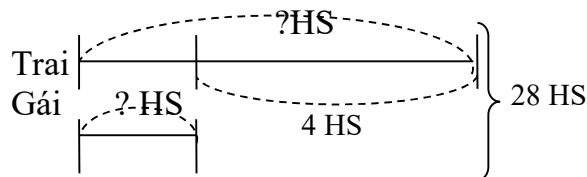
- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài toán.

- Nhắc HS: chỉ cần làm 1 trong 2 cách.

- GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS (5-7 bài)

- Chốt lời giải đúng.

Cách 1: Ta có sơ đồ:



- Củng cố các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu ...

**Bài 3 + Bài 4 (bài tập chờ dành cho**

+ Tuổi bố cộng với tuổi con là 58 tuổi  
tuổi bố hơn tuổi con là 38 tuổi.

+ Tìm tuổi của mỗi người.

+ Bài toán thuộc dạng toán về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

**Cách 1 :**

Hai lần tuổi con là :

$$58 - 38 = 20 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con là :

$$20 : 2 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của bố là :

$$10 + 38 = 48 \text{ (tuổi)}$$

**Đáp số :** Con : 10 tuổi

Bố : 48 tuổi

**Cách 2 :**

Hai lần tuổi bố là :

$$58 + 38 = 96 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của bố là :

$$96 : 2 = 48 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con là :

$$48 - 38 = 10 \text{ (tuổi)}$$

(hoặc :  $58 - 48 = 10 \text{ (tuổi)}$ )

**Đáp số :** Bố : 48 tuổi

Con : 10 tuổi

- Thực hiện theo yêu cầu của GV

- HS làm bài vào vở- 1 HS lên bản

Bài giải

Hai lần số học sinh gái là :

$$28 - 4 = 24 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh gái là :

$$24 : 2 = 12 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh trai là :

$$12 + 4 = 16 \text{ (học sinh)}$$

**Đáp số :** 16 HS trai

12 HS gái

- HS tự làm bài vào vở Tự học

<p><i>HS hoàn thành sớm)</i></p> <p><b>4. Hoạt động ứng dụng (1p)</b></p> <p><b>5. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<p>- Đổi chéo tự chữa bài cho bạn</p> <p>Bài 3: <u>Bài giải</u>  Lớp 4A trồng được số cây là:  <math>(600-50) : 2 = 275</math> (cây)  Lớp 4B trồng được số cây là:  <math>600-275 = 325</math> (cây)  Đáp số: 4A: 275 cây  4B: 325 cây</p> <p>Bài 4: Hai số đó là 8 và 0 vì tổng và hiệu của 0 với bất kì số nào cũng bằng chính số đó</p> <p>- Ghi nhớ cách tìm số lớn, số bé trong bài toán T-H</p> <p>- Tìm và giải các bài toán cùng dạng trong sách toán buổi 2</p>
--	--

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.....

.....

.....

.....

**LỊCH SỬ (VNEN)**

**HƠN 1000 NĂM ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (T3)**

.....

.....

.....

.....

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được tên các giai đoạn lịch sử đã học từ bài 1 đến bài 5:
- + Khoảng năm 700 TCN đến năm 179 TCN: Buổi đầu dựng nước và giữ nước.
- + Năm 179 TCN đến năm 938: Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại nền độc lập.

**2. Kỹ năng**



- Kể lại một số sự kiện tiêu biểu về:
  - + Đời sống người Lạc Việt dưới thời Văn Lang.
  - + Hoàn cảnh, diễn biến và kết quả của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
  - + Diễn biến và ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng.

### 3. Thái độ

- Nêu cao lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước.

### 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

## II. CHUẨN BI:

### 1. Đồ dùng

- GV: + Bảng và hình vẽ trực thời gian.  
+ Một số tranh ảnh, bản đồ.
- HS: SGK, vở ghi, bút,..

### 2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

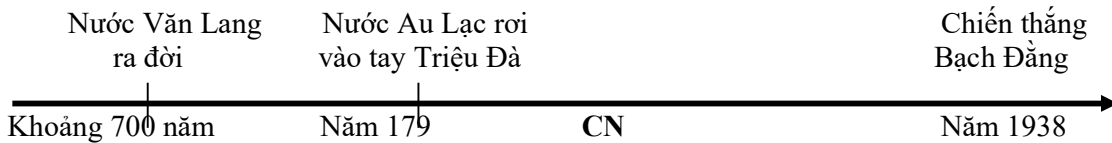
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><b>1. Khởi động: (4p)</b></p> <p>+ Em hãy nêu vài nét về con người Ngô Quyền?</p> <p>+ Ngô Quyền đã dùng kế gì để đánh giặc?</p> <p>+ Kết quả trận đánh ra sao?</p> <p>-GV nhận xét, khen/động viên, dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBHT điều hành các bạn trả lời và nhận xét, bổ sung</p> <p>+ Ngô Quyền là người Đường Lâm...</p> <p>+ Ngô Quyền đã dùng kế lợi dụng thủy triều lên xuống của dòng Bạch Đằng...</p> <p>+ Quân giặc đã thất bại hoàn toàn còn quân và dân ta đã thu được thắng lợi...</p>
<p><b>2. Bài mới: (30p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu</b> - Nắm được tên các giai đoạn lịch sử đã học từ bài 1 đến bài 5: - Kể lại một số sự kiện tiêu biểu về trong giai đoạn lịch sử này.</p> <p>* <b>Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp</b></p>	
<p>*<b>Hoạt động 1: Nhóm:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc SGK / 24</p> <p>- GV treo bảng thời gian (theo SGK) lên bảng và phát cho mỗi nhóm một bản yêu cầu HS ghi (hoặc gắn) nội dung của mỗi giai đoạn.</p> <p>+ Chúng ta đã học những giai đoạn lịch sử nào của lịch sử dân tộc, nêu những thời gian của từng giai đoạn?</p> <p>* <b>GV: Đó là hai giai đoạn “Buổi đầu dựng nước và giữ nước (khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN) và Hơn</b></p>	<p>- HS đọc.</p> <p>- HS các nhóm thảo luận và đại diện lên điền hoặc báo cáo kết quả</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lên chỉ bảng thời gian và trả lời.</p> <p>- Lắng nghe</p>

**một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập ( từ năm 179 TCN đến năm 938)**

**\*Hoạt động2: Cả lớp:**

- GV treo trục thời gian (theo SGK) lên bảng hoặc phát phiếu học tập cho HS và yêu cầu HS ghi các sự kiện tương ứng với thời gian có trên trục: khoảng 700 năm TCN, 179 năm TCN, 938.

- HS nhớ lại các sự kiện lịch sử và lên điền vào bảng.  
- HS khác nhận xét và bổ sung cho hoàn chỉnh.  
- HS đọc nội dung câu hỏi và trả lời theo yêu cầu.



**\*Hoạt động3: Nhóm:**

- GV chia lớp thành 3 nhóm, cho HS bốc thăm chọn nội dung hùng biện.  
-Yêu cầu bài nói : Đầy đủ đúng, trôi chảy, có hình ảnh minh họa càng tốt

\*Nhóm 1: kể về đời sống người Lạc Việt dưới thời Văn Lang.  
\*Nhóm 2: kể về khởi nghĩa Hai Bà Trưng.  
\*Nhóm 3: kể về chiến thắng Bạch Đằng.

-GV nhận xét, khen/ động viên.

**3. Hoạt động ứng dụng (1p).**

- GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước

**4. Hoạt động sáng tạo (1p)**

- Kể chuyện lịch sử về Vua Hùng, An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

.....

.....

.....

**Thứ tư ngày 24 tháng 10 năm 2017**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÁCH VIẾT TÊN NGƯỜI, TÊN ĐỊA LÍ NƯỚC NGOÀI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài (ND Ghi nhớ).
- Có hiểu biết sơ giản về những danh nhân nước ngoài, địa danh nước ngoài nổi tiếng

## 2. Kỹ năng

- Biết vận dụng quy tắc đã học để viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài phổ biến, quen thuộc trong các BT 1, 2 (mục III).

\*HS năng khiếu: ghép đúng tên nước với tên thủ đô của nước ấy trong một số trường hợp quen thuộc (BT3).

## 3. Thái độ

- HS có ý thức viết hoa đúng cách, đúng quy tắc.

## 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

## II. CHUẨN BI:

### 1. Đồ dùng

- GV: + Giấy khổ to viết sẵn nội dung: một bên ghi tên nước, tên thủ đô bỏ trống, 1 bên ghi tên thủ đô tên nước bỏ trống và bút dạ (Nội dung không trùng nhau).

+ Bài tập 1, 3 phần nhận xét viết sẵn trên bảng lớp.

- HS: vở BT, bút, ...

### 2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập
- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động (3p)</b> + Nêu quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam + Lấy VD</p>	<p>- TBHT điều hành  - 2 HS lên bảng lấy VD</p>
<p><b>2. Hình thành kiến thức mới: (15p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> HS nắm được quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài * <b>Cách tiến hành:</b> Cá nhân-Nhóm-Cả lớp</p>	
<p><b>a. Nhận xét</b> <b>Bài 1:</b> Đọc tên người, tên địa lí nước ngoài.  + <i>Nêu hiểu biết của em về những người và địa danh trên?</i>  <b>Bài 2:</b> Biết rằng chữ cái... - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi: + <i>Mỗi tên riêng nói trên gồm mấy bộ</i></p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh tên người và tên địa lí trên bảng. + Tên người: Lép Tôn- xtôi, Mô- rít- xơ Mát- téc- lích, Tô-mát Ê-đi-xon + Tên địa lí: Hi- ma- lay- a, Đa- nuýp, ... + <i>HS nêu: VD: Tô-mát Ê-đi-xon là nhà bác học nổi tiếng, Đa- nuýp là tên một dòng sông rất đẹp ở Nga,...</i> <b>Nhóm 4- Lớp</b> <b>Tên người:</b> + <i>Lép Tôn- xtôi</i> gồm 2 bộ phận: Lép và Tôn- xtôi. Bộ phận 1 gồm 1 tiếng Lép.</p>

<p><i>phận, mỗi bộ phận gồm mấy tiếng?</i></p> <p>+ Chữ cái đầu mỗi bộ phận được viết như thế nào? + Cách viết trong cùng một bộ phận như thế nào?</p> <p><b>*GV:</b> Khi viết tên người, tên địa lí nước ngoài, ta viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu mỗi bộ phận có nhiều tiếng thì dùng gạch nối giữa các tiếng</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <p>- Yêu cầu thảo luận nhóm 2</p> <p>a. Tên người: Thích Ca Mâu Ni, Khổng Tử, Bạch Cư Dị</p> <p>b. Hi Mã Lạp Sơn, Luân Đôn, Bắc Kinh, Thụy Điển</p> <p><b>*GV:</b> Những tên người, tên địa lí nước ngoài ở bài tập 3 là những tên riêng được phiên âm Hán Việt (âm ta mượn từ tiếng Trung Quốc). Chẳng hạn: Hi Mã Lạp Sơn là tên một ngọn núi được phiên âm theo âm Hán Việt, còn Hi- ma- lay- a là tên quốc tế, được phiên âm từ tiếng Tây Tạng.</p> <p><b>b. Ghi nhớ:</b></p> <p>- Gọi HS đọc phần Ghi nhớ.</p> <p><b>b. Ghi nhớ</b></p>	<p>Bộ phận 2 gồm 2 tiếng Tôn /xtôi. + Mô- rít- xơ, Mát- téc- lich gồm 1 bộ phận, mỗi bộ phận gồm 3 tiếng + Tô-mát Ê-đi-xơn gồm 2 bộ phận. Bộ phận 1: Tô-mát gồm 2 tiếng. Bộ phận 2: Ê-đi-xơn gồm 3 tiếng</p> <p><b>Tên địa lí:</b></p> <p>+ Hi- ma- lay- a chỉ có 1 bộ phận gồm 4 tiếng: Hi/ma/lay/a + Đa- nuýp chỉ có 1 bộ phận gồm 2 tiếng Đa/ nuýp</p> <p>.....</p> <p>+ Chữ cái đầu mỗi bộ phận được viết hoa. + Giữa các tiếng trong cùng một bộ phận có dấu gạch nối.</p> <p>- HS nghe</p> <p>- HS đọc yêu cầu. - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận và trả lời câu hỏi: Một số tên người, tên địa lí nước ngoài viết giống như tên người, tên địa lí Việt Nam: tất cả các tiếng đều được viết hoa.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- 2 HS đọc</p>
<p><b>3, Hoạt động thực hành (20p)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b> HS biết cách viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài trong thực tế</p> <p><b>* Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b> Đọc đoạn văn sau rồi viết cho đúng những tên riêng trong đoạn văn</p> <p>- Kết luận lời giải đúng.</p>	<p><b>Cá nhân – Nhóm 2- Lớp</b></p> <p>- Thực hiện theo yêu cầu của GV</p> <p>Đ/á:</p>

+ Đoạn văn viết về ai?

+ Em đã biết nhà bác học Lu- i Pa- xto qua phương tiện nào?

**Bài 2:** Viết lại những tên riêng sau cho đúng qui tắc.

- GV gọi 2 HS lên bảng viết. HS dưới lớp viết vào vở. GV đi chỉnh sửa cho từng em.

- Gọi HS nhận xét, bổ sung bài làm trên bảng.

- Kết luận lời giải đúng.

- Đặt câu hỏi củng cố bài học. VD:

+ An-be Anh-xtanh là tên người có mấy bộ phận? Mỗi bộ phận có mấy tiếng?

**Bài 3:** Trò chơi du lịch: Thi ghép tên..  
(Dành cho hs năng khiếu)

GV giải thích cách chơi: Bạn gái trong tranh cầm lá phiếu có ghi tên nước Trung Quốc, bạn viết lên bảng tên thủ đô Trung Quốc là Bắc Kinh.

Bạn trai cầm là phiếu có tên thủ đô Pa-ri, bạn viết lên bảng tên nước có thủ đô Pa-ri là nước Pháp.

- GV gắn một số thẻ ghi tên một số

Ac - boa, Lu- i Pa- xto, Ac- boa, Quy- dăng- xơ.

+ Đoạn văn viết về gia đình Lu- i Pa- xto thời ông còn nhỏ. Lu- i Pa- xto (1822-1895) nhà bác học nổi tiếng thế giới- người đã chế ra các loại vắc- xin trị bệnh, trong đó có bệnh than, bệnh dại.

+ Em biết đến Pa- xto qua sách Tiếng Việt 3, qua các truyện về nhà bác học nổi tiếng...

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

**- Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**

- Thực hiện theo yêu cầu của GV

Đ/á:

\*Tên người:

+An - be Anh- xtanh: ( Nhà vật lí học nổi tiếng thế giới, người Đức (1879-1955).

+Critt- xti- an An- đéc- xen (Nhà văn nổi tiếng thế giới, chuyên viết chuyện cổ tích, người Đan Mạch. (1805- 1875)

+I- u- ri Ga- ga- rin (Nhà du hành vũ trụ người Nga, người đầu tiên bay vào vũ trụ (1934- 1968)

\* Tên địa lí:

+Xanh Pê- téc- bua(Kinh đô cũ của Nga)

+Tô- ki- ô(Thủ đô của Nhật Bản)

+A- ma- đôn (Tên 1 dòng sông lớn chảy qua Bra- xin. )

+Ni- a- ga- ra (Tên 1 thác nước lớn ở giữa Ca- na- đa và Mĩ ).

- Nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu sai)

- HS quan sát tranh.

- Thực hiện theo yêu cầu của GV

Tên nước	Tên thủ đô
Nga	Mát- xơ- va
Ấn Độ	Niu Đê- li
Nhật Bản	Tô-ki- ô
Thái Lan	Băng Cốc
Mĩ	Oa – sinh – ton
Anh	Luân Đôn
Lào	Viêng chăn



<p>nước và tên thủ đô của các nước ấy đã được đảo lộn.</p> <p>- Tổ chức cho HS thi ghép đúng tên nước với thủ đô của nước ấy.</p> <p>- GV nhận xét, khen/ động viên</p>	<p><i>Cam – pu- chia</i></p> <p><i>Đức</i></p> <p><i>Ma – lai – xi – a</i></p> <p><i>In- đơ-nê-xi- a</i></p> <p><i>Phi – líp – pin</i></p> <p><i>Trung Quốc</i></p>	<p><i>Phnôm Pênh</i></p> <p><i>Béc - lin</i></p> <p><i>Cu-a-la Lăm - pơ</i></p> <p><i>Gia – các – ta</i></p> <p><i>Ma – ni – la</i></p> <p><i>Bắ Kình</i></p>
	<p>4. Hoạt động ứng dụng (1p)</p> <p>5. Hoạt động sáng tạo (1)</p>	
<p>- Viết lại các tên riêng nước ngoài vào vở Tự học</p> <p>- Tìm thêm tên của 5 nước và thủ đô tương ứng của 5 nước đó.</p>		

## ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

## TOÁN

### **Tiết 38: LUYỆN TẬP**

#### **I. MỤC TIÊU:**

##### **1. Kiến thức**

- Củng cố bài toán Tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó

##### **2. Kỹ năng**

- Biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

##### **3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

##### **4. Góp phần phát triển các kỹ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: BT1(a,b); BT2; BT 4

#### **II. CHUẨN BỊ:**

##### **1. Đồ dùng**

- GV: : Bảng phụ hoặc phiếu nhóm

- HS: Bút, SGK, ...

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

#### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (3p)</p> <p>- GV dẫn vào bài</p>	<p>- TBHT điều hành:</p> <p>+ Nêu cách tìm số lớn, số bé trong bài toán tổng-hiệu</p>

## 2. Hoạt động thực hành (30p)

\* **Mục tiêu:** Giải được các bài toán dạng Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

### \* Cách tiến hành

**Bài 1(a,b):** Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.
- Gọi 2HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.
- GV chốt đáp án.

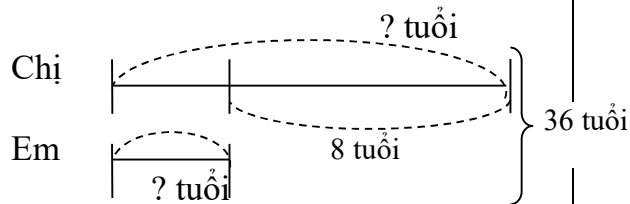
- GV củng cố các bước giải...

### **Bài 2:**

- GV gọi HS đọc đề bài toán, sau đó yêu cầu HS nêu dạng toán và tự làm bài.
- Nhận xét, đánh giá một số bài

#### **Bài giải**

Ta có sơ đồ:

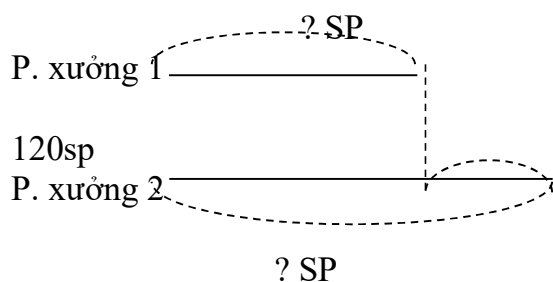


### **Bài 4:**

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.
- Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).
- GV chốt đáp án.

#### **Bài giải**

Ta có sơ đồ:



- Chốt lại cách giải dạng toán này

**Bài 3 + bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)**

### **Cá nhân – Lớp.**

- Thực hiện theo yêu cầu của GV.

Đ/a:

a. Số lớn là:  $(24 + 6) : 2 = 15$

Số bé là:  $15 - 6 = 9$

b. Số lớn là:  $(60 + 12) : 2 = 36$

Số bé là:  $36 - 12 = 24$

- Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài
- Thực hiện theo yêu cầu của GV.

#### **Bài giải**

Tuổi của em là:  
 $(36 - 8) : 2 = 14$  ( tuổi )

Tuổi của chị là:  
 $14 + 8 = 22$  ( tuổi )

Đáp số : em : 14 tuổi  
          chị : 22 tuổi

### **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**

- Thực hiện theo yêu cầu của GV.

#### **Bài giải**

Phân xưởng I đã sản xuất :  
 $(1200 - 120) : 2 = 540$  ( sản phẩm )

Phân xưởng II đã sản xuất :  
 $540 + 120 = 660$  ( sản phẩm )

Đáp số : PX1: 540 sản phẩm  
          PX2: 660 sản phẩm

- HS làm bài vào vở Tự học

- TBHT kiểm tra, chữa bài theo nhóm

Bài 3: **Bài giải**

Số sách giáo khoa cho mượn là:

<p><b>3. Hoạt động ứng dụng (1p)</b>  <b>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<p><math>(65 + 17) : 2 = 41</math> (quyển)  Số sách đọc thêm là:  <math>65 - 41 = 24</math> (quyển)  Đáp số: 41 quyển  24 quyển</p> <p>Bài 5: <u>Bài giải</u>  Đôi 5 tấn 2 tạ thóc = 52 tạ  Thửa ruộng 1 thu được là:  <math>(52 + 8) : 2 = 30</math> (tạ) = 3000 kg  Thửa ruộng 2 thu được là:  <math>52 - 30 = 22</math> (tạ) = 2200 kg  Đáp số: 3000 kg  2200 kg</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhớ cách tìm số lớn, số bé</li> <li>- Tìm và giải các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2</li> </ul>
---	---

## ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

## ĐẠO ĐỨC TIẾT KIỆM TIỀN CỦA (T1)

### LMỤC TIÊU:

#### **1. Kiến thức**

- Lựa chọn được những hành vi thể hiện tiết kiệm tiền của và có ý thức thực hiện tiết kiệm trong gia đình.
- Đưa ra cách ứng xử phù hợp trong từng tình huống, thể hiện tiết kiệm tiền của.

#### **2. Kỹ năng**

- Sử dụng tiết kiệm quần áo, sách vở, đồ dùng, điện, nước,... trong cuộc sống hằng ngày.

*(- Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành.*

*- Không yêu cầu học sinh tập hợp và giới thiệu những tư liệu khó sưu tầm về một người biết tiết kiệm tiền của; có thể cho học sinh kể những việc làm của mình hoặc của các bạn về tiết kiệm tiền của)*

#### **3. Thái độ**

- Có ý thức tiết kiệm tiền của
- Nhắc nhở bạn bè, anh chị em thực hiện tiết kiệm tiền của.

#### 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

\* KNS: - Bình luận, phê phán việc lãng phí tiền của  
- Lập kế hoạch sử dụng tiền của bản thân

\* BVMT: - Sử dụng tiết kiệm tiền áo, sách vở, đồ dùng, điện, nước... Trong cuộc sống hằng ngày là góp phần BVMT và tài nguyên thiên nhiên.

\* SDNLTK: - Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng như: điện, nước, xăng, dầu, gas, ... chính là tiết kiệm tiền của cho bản thân, gia đình và đất nước.

- Đồng tình với các hành vi, việc làm sử dụng năng lượng tiết kiệm năng lượng; phản đối, không đồng tình với các hành vi sử dụng lãng phí năng lượng.

\* TT HCM:

Cần kiệm liêm chính

#### I. CHUẨN BI:

##### 1. Đồ dùng

- GV: + SGK Đạo đức 4

+ Đồ dùng để chơi đóng vai

- HS: Mỗi HS có 3 tấm bìa màu: xanh, đỏ, trắng.

##### 2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi phóng viên, đóng vai.

- KT: động não, chia sẻ nhóm 2

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động: (5p)</b> - Yêu cầu HS nêu 1 số việc các em đã làm ở nhà thể hiện sự tiết kiệm tiền của - Nêu bài học	- HS nối tiếp trả lời
<b>2. Hoạt động thực hành (30p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> - Lựa chọn được những hành vi thể hiện tiết kiệm tiền của và có ý thức thực hiện tiết kiệm trong gia đình. - Đưa ra cách ứng xử phù hợp trong từng tình huống, thể hiện tiết kiệm tiền của. * <b>Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp</b>	
<b>HD1: Lựa chọn hành vi đúng</b> (Bài 4 - SGK/13): Những việc làm nào trong các việc dưới đây là tiết kiệm tiền của? a/. Giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập. b/. Giữ gìn quần áo, đồ dùng, đồ chơi. c/. Vẽ bậy, bôi bẩn ra sách vở, bàn ghế, tường lớp học. d/. Xé sách vở. đ/. Làm mất sách vở, đồ dùng học tập. e/. Vứt sách vở, đồ dùng, đồ chơi bừa bãi.	<b>Nhóm 2 – Lớp</b> - HS đọc yêu cầu bài tập 4.  - HS trao đổi nhóm 2 và nêu ý kiến - HS nhận xét, bổ sung.